

Bản án số: 129/2019/DS-ST

Ngày: 01 - 11 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-DS ngày 24/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 937/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà N, đường H, phường M, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1979, địa chỉ làm việc: số nhà B, đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, đường T1, phường T2, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Địa chỉ liên lạc: số nhà T, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vinh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Quốc C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà T, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 10/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kim L cùng người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày:

Ngày 12/6/2018, bà Trần Thị Cẩm T và ông Võ Quốc C với mối quan hệ là vợ chồng đã xác lập Hợp đồng ủy quyền với nội dung ông C ủy quyền bà T thay mặt ông C tất toán hợp đồng tín dụng, nhận tài sản thế chấp là hai xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005..., 64B-007... với Ngân hàng Thương mại cổ phần B (Ngân hàng B) và bà T được quyền ký kết các hợp đồng mua bán, tặng cho, thế chấp, cho thuê... 02 chiếc xe ô tô nêu trên.

Cùng ngày 12/6/2018, bà T và bà L xác lập Hợp đồng mua bán viết tay, nội dung bà T bán bà L 01 xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005..., loại 29 ghế ngồi, do bà T đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá bán 720.000.000đ. Cùng ngày 12/6/2018, bà T viết biên nhận đã nhận của bà L số tiền 300.000.000đ. Ngày 05/9/2018, bà T viết biên nhận đã nhận từ bà L số tiền 430.000.000đ để thanh toán nợ vay với Ngân hàng B. Ngày 06/9/2018, bà T và bà L xác lập Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005... có chứng nhận của Văn phòng công chứng T với giá ghi trong hợp đồng là 200.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông C không đồng ý giao bà L xe ô tô biển số 64B-005... Bà L khởi kiện, yêu cầu bà T, ông C tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao bà L xe ô tô biển số 64B-005...

Ngoài ra, bà L còn khởi kiện ông C, bà T tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long tranh chấp hợp đồng vay tài sản với số tiền cho vay 800.000.000đ. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long hòa giải thành tại Quyết định số 02/2019/QĐST-DS, ngày 02/01/2019 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức thi hành án xong. Việc thi hành án thể hiện như sau: Ngày 21/01/2019, bà T, ông C giao bà L 01 xe ô tô biển số 64B-005..., loại 29 ghế ngồi, với giá trị xe 700.000.000đ, khấu trừ số nợ 700.000.000đ. Ngày 12/4/2019, bà T, ông C giao bà L tiền mặt 48.000.000đ. Ngày 25/01/2019, bà T, ông C đã nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L số tiền 12.000.000đ. Tổng cộng tiền mặt mà bà T, ông C giao bà L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là 60.000.000đ. Bà L đồng ý nhận xe, tiền tổng cộng 760.000.000đ và rút đơn yêu cầu thi hành án với bà T, ông C số tiền còn lại 40.000.000đ.

Bà L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 06/9/2018 giữa bà L với bà T, không yêu cầu bà T, ông C giao bà L xe ô tô biển số 64B-005...; yêu cầu bà T, ông C liên đới trả bà L số tiền 730.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định từ thời điểm nộp đơn kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 02/10/2019, bà Trần Thị Cẩm T trình bày:

Xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005..., loại 29 ghế ngồi do bà T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng đây là tài sản của chung vợ chồng với ông Võ Quốc C. Bà T, ông C đã thế chấp xe vay tiền Ngân hàng B để có vốn làm kinh tế. Ông C đã có văn bản ủy quyền bà T thực hiện thủ tục tất toán nợ với Ngân hàng và ký kết hợp đồng bán xe. Ngày 12/6/2018, bà T xác lập hợp đồng bán xe biển số 64B-005... bằng văn bản viết tay với bà L giá bán xe là

720.000.000đ. Bà L đưa trước bà T số tiền 300.000.000đ vào cùng ngày 12/6/2018 và ngày 06/9/2018, bà T tiếp tục nhận từ bà L số tiền 430.000.000đ để thanh toán nợ với ngân hàng, nhận lại bản chính giấy đăng ký xe. Bà T xác định các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp Tòa án bản chính gồm: Hợp đồng mua bán ngày 12/6/2018 được viết tay, biên nhận viết tay ngày 12/6/2018 với số tiền nhận 300.000.000đ, biên nhận viết tay ngày 05/9/2018 với số tiền nhận 430.000.000đ đúng là chữ viết của bà T viết ra, đúng là chữ ký của bà T ký tên ra. Khi bà T viết các văn bản này hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005... được bà T, ông C giao bà L theo quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức thi hành án đối với Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà L, bà T có ý kiến như sau: Hoàn cảnh kinh tế của bà T rất khó khăn. Bà T đồng ý liên đới cùng ông C trả lại bà L số tiền 430.000.000đ vì đây là số tiền mượn để trả nợ ngân hàng, đề nghị không trả số tiền 300.000.000đ và xin miễn lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2019, ông Võ Quốc C trình bày:

Xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005... được ông C, bà T giao bà L xong theo quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức thi hành án đối với Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ông C đã có văn bản hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền ngày 12/6/2018. Việc bà T ký kết hợp đồng với bà L bán xe ô tô biển số 64B-005... thì ông C không biết, không tham gia xác lập giao dịch. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 06/9/2018 giữa bà T với bà L; yêu cầu bà T, ông C liên đới trả nguyên đơn số tiền 730.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 431, 434, 436, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 06/9/2018 giữa bà T với bà L. Buộc bà T ông C liên đới trả bà

L số tiền 730.000.000đ. Buộc bà T, ông C liên đới nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền buộc trả và án phí không giá ngạch do hủy hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L khởi kiện bà T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông C. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 06/9/2018 giữa bà T với bà L là sự thật, được bà T thừa nhận. Xe ô tô biển số kiểm soát 64B-005... là tài sản chung vợ chồng của bà T, ông C; được bà T, ông C thế chấp bảo đảm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B. Bà T thừa nhận việc ghi giá bán xe ô tô 200.000.000đ trong hợp đồng ngày 06/9/2018 chỉ là hình thức giấy tờ, thực tế bà T đã nhận từ bà L giao trước số tiền 300.000.000đ theo Biên nhận ngày 12/6/2018 (bút lục 29) và tiếp tục nhận từ bà L giao 430.000.000đ theo Biên nhận ngày 05/9/2018 (bút lục 31) để thanh toán nợ vay với Ngân hàng B. Các biên nhận viết tay ngày 12/6/2018 với số tiền nhận 300.000.000đ, biên nhận viết tay ngày 05/9/2018 với số tiền nhận 430.000.000đ được bà T xác định đúng chữ viết của bà T viết ra, đúng chữ ký của bà T ký tên ra và bà T viết các văn bản này hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Bà T và ông C thuận tình ly hôn vào ngày 02/4/2019 theo Quyết định số 92/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long và Tòa án chưa giải quyết gì về tài sản chung của vợ chồng. Bà T nhận số tiền 730.000.000đ từ bà L giao để thanh toán nợ của bà T, ông C cùng vay ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân để giải chấp xe ô tô biển số 64B-005-... Sự việc này được ông C ủy quyền bà T thực hiện thể hiện tại Hợp đồng ủy quyền ngày 12/6/2018. Quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có sự việc hủy bỏ văn bản ủy quyền này. Tại Văn bản số 203/CVCC ngày 15/10/2019, Văn phòng công chứng T đã phúc đáp: "...Qua truy lục lại hồ sơ lưu trữ, hồ sơ kế toán, thủ quỹ, vào ngày 12/6/2018 và các ngày tiếp theo, Văn phòng công chứng vẫn không tìm thấy đã có chứng nhận văn bản hủy bỏ hợp đồng ủy quyền nêu trên". Vì vậy, ông C biết rõ sự việc bán xe giữa bà T với bà L. Buộc ông C, bà T thực hiện nghĩa vụ liên đới trả bà L số tiền đã nhận 730.000.000đ là có căn cứ.

Xe ô tô biển số 64B-005... được bà T, ông C giao bà L để thi hành án của Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 02/01/2019 với nghĩa vụ thực hiện 800.000.000đ. Bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 06/9/2018 giữa bà L với bà T là có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà L xác định nguyên đơn không yêu

cầu bà T, ông C trả tiền lãi, xác định không có thiệt hại trong hủy hợp đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác: Buộc bà T, ông C liên đới nộp 33.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà L số tiền tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí giám định tài liệu 3.000.000đ theo Phiếu thu số 71 ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 423, 427, 430, 436, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim L.

Hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 06/9/2018 giữa bà Trần Thị Cẩm T với bà Phạm Thị Kim L, số công chứng C09544, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng T.

Buộc bà Trần Thị Cẩm T, ông Võ Quốc C liên đới trả bà Phạm Thị Kim L số tiền 730.000.000đ (bảy trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác: Buộc bà Trần Thị Cẩm T, ông Võ Quốc C liên đới nộp 33.500.000đ (ba mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Phạm Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0004285 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Hoàn trả bà Phạm Thị Kim L số tiền tạm ứng giám định tài liệu 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo Phiếu thu số 71 ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V và đã trả xong theo Biên bản hoàn trả ngày 01/11/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 3;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

